

Số: 129/2025/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 04 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 91/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Võ Phước T, sinh năm 1992; căn cước công dân số 046092009913, cấp ngày 31/12/2021, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Tổ A, khu C, phường V, thành phố H.

- Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1992; căn cước công dân số 046192012428, cấp ngày 09/8/2021, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Số 77 đường L, phường P, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Phước T và chị Nguyễn Thị P có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 05 năm thì đăng ký kết hôn vào ngày 07/11/2023 tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay là phường V, thành phố H trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị P là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh T và chị P chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống giữa vợ chồng bất đồng, không có tiếng nói chung làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T và chị P đã trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa anh T và chị P là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh T và chị P.

[2] Về con chung: Anh Võ Phước T và chị Nguyễn Thị P xác nhận có 01 con chung là Võ Uyển Tuệ N, sinh ngày 15/11/2023.

Anh T và chị P thỏa thuận: Giao con Võ Uyển Tuệ N cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh T không cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh Võ Phước T và chị Nguyễn Thị Phương trình B không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung; vợ chồng không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Võ Phước T và chị Nguyễn Thị Phương thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Anh Võ Phước T và chị Nguyễn Thị P xác nhận có 01 con chung là Võ Uyển Tuệ N, sinh ngày 15/11/2023 (Hiện nay cháu N đang ở cùng với anh T và chị P).

Giao cháu Võ Uyển Tuệ N cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Anh Võ Phước T và chị Nguyễn Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nghĩa vụ về tài sản*: Anh Võ Phước T và chị Nguyễn Thị P xác nhận không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Võ Phước T và chị Nguyễn Thị P mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000352 ngày 31/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố H. Anh Võ Phước T và chị Nguyễn Thị P đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- UBND phường V;
- (ĐKKH số 78 ngày 07/11/2023
tại UBND phường V cũ);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Văn Hạnh